

1168 Series — BÁNH XE CHÂN TẮNG CHÍNH



Lốp ZQPU (màu x) Đường kính lốp × Chiều rộng lốp 75×20 (41.5) mm

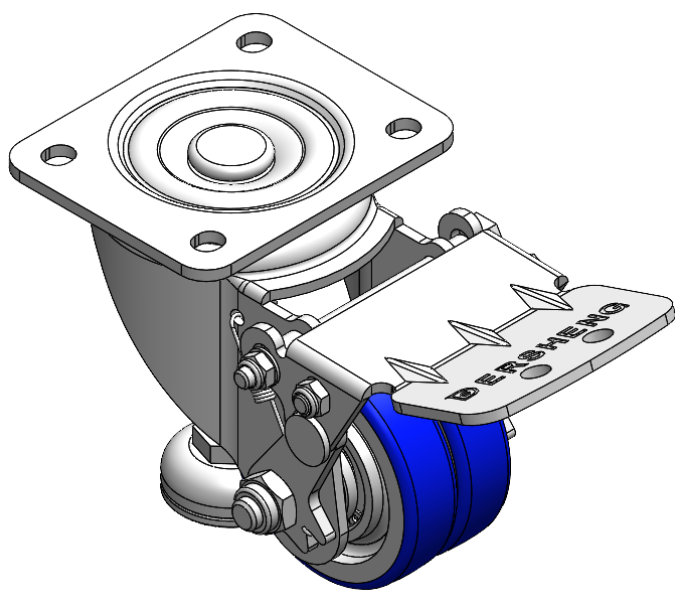
EAN

YJ-11680300802013

Bánh xe nâng có thể điều chỉnh, để bánh xe có chân đế đỉnh tán và lỗ tiêu chuẩn Châu Âu, bàn đạp dài  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp đế bánh xe, để đỡ có thể điều chỉnh  
Lõi bánh xe bằng gang với gai polyurethane chất lượng cao  
Màu xanh lam, ô trục bánh xe với ổ bi chính xác.

Bề mặt bánh xe: polyurethane chất lượng cao  
Lõi bánh xe: lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

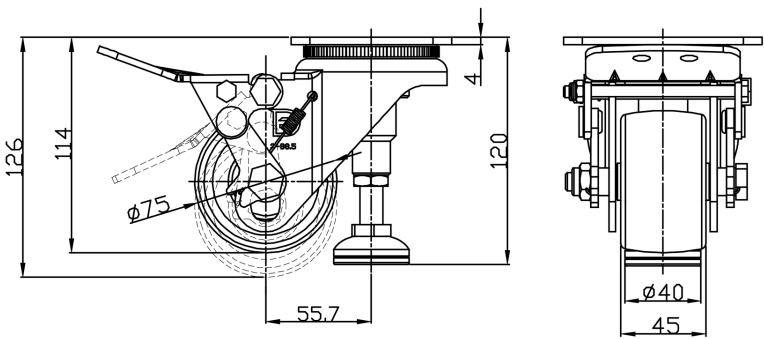
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 75mm                        |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 41.5mm                      |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 105 x 85mm                  |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 80 x 60mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 10.5 x 9mm                  |
| Độ lệch tâm                                                               | 56mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 302mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 120mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 151mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 87±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 260kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 1000kgs                     |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +70°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đầy                                                   | 2.38kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

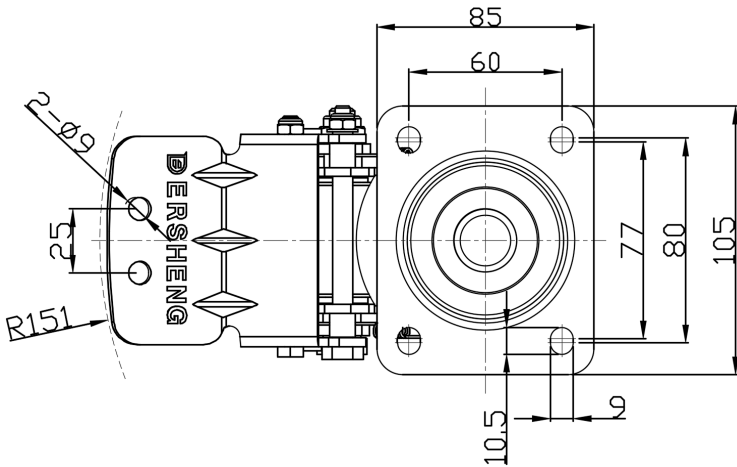
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đầy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét